TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 213/2023/DS-PT Ngày: 31-10-2023 **V/v:** "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2023/QĐ-PT ngày 05/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 774/2023/QĐ-PT ngày 23/10/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1973; cư trú tại thôn K, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: số C, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Quốc H, sinh năm: 1983; cư trú tại số B, lô B, cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số I, đường H, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2470, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng thực ngày 16/5/2023); vắng mặt.

Bị đơn: Bà Mai Thanh U, sinh năm 1973; cư trú tại số B, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn T1, sinh năm: 1981; cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2120, quyển số 05/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 chứng thực ngày 22/6/2023); vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị Thanh U1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 15/5/2023 của bà Lê Thị T, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Lê Quốc H, người đại diện theo ủy quyền của bà T, thì: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên bà Lê Thị T có cho bà Mai Thị Thanh U1 vay tiền nhiều lần, đến ngày 01/10/2021 các bên viết giấy vay tiền nhưng thực tế là giấy chốt nợ xác nhận bà U1 còn nợ bà T số tiền vay gốc là 4.360.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, lãi trả hàng tháng và thời hạn trả tiền vay gốc vào ngày 01/5/2023. Để đảm bảo khoản tiền vay bà U1 có giao cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI299463, số AH088992 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060772 mang bà U1 để làm tin. Sau khi các bên xác nhận số tiền nợ gốc 4.360.000.000đ nói trên thì trong các năm 2021 và 2022 bà U1 không trả tiền lãi cho bà T theo như thỏa thuận mà chỉ trả vài lần vì do có dịch C và bà U1 gặp nhiều khó khăn về kinh tế, khi trả lãi này bà T và bà U1 không viết giấy giao nhận và do thời gian đã lâu nên nguyên đơn không nhớ rõ số tiền lãi cụ thể bị đơn đã trả. Tuy nhiên, nguyên đơn thấy rằng do có dịch bệnh ai cũng gặp khó khăn nên thông cảm không yêu cầu bà U1 trả số tiền lãi còn thiếu của năm 2022.

Từ tháng 01/2023 đến nay bà U1 không trả tiền lãi; đối với tiền gốc thì khi đến hạn bà U1 cũng không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận dù bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bà U1 phải trả tiền gốc còn nợ là 4.360.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm; đồng ý trả cho bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI299463, số AH088992 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060772 khi bị đơn trả toàn bộ số nợ nói trên.

- Bà Mai Thị Thanh U1 thừa nhận có nhiều lần vay tiền của nguyên đơn, đến ngày 01/10/2021 hai bên viết giấy vay tiền chốt số tiền gốc bà còn nợ bà T là 4.360.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng; khi vay tiền bà có đưa cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI299463, số AH088992 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060772 để làm tin. Thời gian qua do bà gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho bà T.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 07/6/2023 nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 4.360.000.000đ và 261.600.000đ tiền lãi, tổng cộng là 4.621.600.000đ. Tuy nhiên ngày 14/6/2023 bà

U1 thay đổi ý kiến không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền trên vì cho rằng đã trả hết tiền lãi cho bà T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 38/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023; Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc bà Mai Thị Thanh U1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 4.819.980.000đ, gồm 4.360.000.000đ tiền vay gốc và 459.980.000đ tiền lãi.

Bà T có trách nhiệm trả cho bà U1 bản gốc các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI299463, số AH088992 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060772 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 09/8/2007, ngày 09/02/2007 và ngày 11/3/2004 đứng tên và đăng ký biến động sang tên bà Mai Thị Thanh U1.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/8/2023 bà Mai Thị Thanh U1 có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm chỉ buộc bà U1 trả số tiền gốc và tiền lãi là 4.621.600.000đ.

Tại phiên tòa,

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa bà Lê Thị T và bà Mai Thị Thanh U1 nhiều lần xác lập giao dịch Dân sự vay tài sản; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như giữa các bên không thống nhất về số tiền phải trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ các Điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bà U1 thì thấy rằng:

[3.1] Tại "Giấy vay tiền" ngày 01/10/2021 thể hiện nội dung *"bà Mai Thị Thanh U1; địa chỉ số B, đường N, phường L, thành phố B có cho bà Lê Thị T vay số tiền 4.360.000.000đ (bốn tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng), tài sản thế chấp để làm tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060772, số AI299463 và số AH088992, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng..."*. Quá trình giải quyết vụ án bà U1 thừa nhận có vay của bà T số tiền nói trên, giấy vay tiền do bà U1 ký nhận, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Nay bà T yêu cầu bà U1 có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc 4.360.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà U1 trình bày đã trả cho bà T một phần tiền lãi của các khoản vay tiền gốc nêu trên nhưng không xác định được số tiền là bao nhiêu, tại giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, bà U1 xác nhận đến tháng 02/2023 tiền lãi còn nợ tổng cộng là 158.700.000đ, gồm tiền lãi của tháng 12/2022 là 27.000.000đ, tiền lãi của tháng 01/2023 và tháng 02/2023 mỗi tháng là 64.400.000đ. Quá trình giải quyết vụ án thì bà T chỉ yêu cầu bà U1 trả tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/8/2023 (07 tháng 01 ngày) với lãi suất 1,5%/tháng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với số tiền là 459.980.000đ (4.360.000.000đ x 1,5%/tháng x 07 tháng 01 ngày) là có cơ sở.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà U1 có thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI299463, số AH088992 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060772. Xét việc thế chấp nói trên không tuân thủ quy định của pháp luật về thế chấp tài sản là bất động sản nên vô hiệu; quá trình giải quyết vụ án bà T đồng ý trả lại cho bà U1 bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nên cần ghi nhận.

[5] Bà Mai Thị Thanh U1 có đơn kháng có nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới so với tài liệu, chứng cứ đã được cấp sơ thẩm thu thập; nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Lê Thị T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Mai Thị Thanh U1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 112.820.000đ (112.000.000đ + 0,1% x 819.980.000đ; làm tròn).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Mai Thị Thanh U1 phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Thanh U1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc *"Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản"* đối với bà Mai Thị Thanh U1.

Buộc bà Mai Thị Thanh U1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 4.819.980.000đ (bốn tỷ tám trăm mười chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 4.360.000.000đ (bốn tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 459.980.000đ (bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Mai Thị Thanh U1 bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 299463, số AH 088992 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060772 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 09/8/2007, ngày 09/02/2007 và ngày 11/3/2004 đứng tên và đăng ký biến động sang tên bà Mai Thị Thanh U1 ngày 24/01/2019 và ngày 24/01/2019.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại số tiền 56.310.800đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005744 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Mai Thị Thanh U1 phải chịu 112.820.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Mai Thị Thanh U1 phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005899 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà U1 đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND tp. Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS tp. Bảo Lộc (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch